CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG SÀI GÒN

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2009

TP. Hồ Chí Minh, tháng 07 năm 2010

Mục lục

Phần A: TỔNG QUAN CÔNG TY SPT 3

I. Thông tin chung 3

II. Lịch sử hình thành và quá trình phát triển 3

III. Định hướng phát triển 5

Phần B: BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG 7

I. Những kết quả hoạt động trong năm 7

II. Tình hình thực hiện so với năm trước 7

III. Triển vọng và kế hoạch 2009 8

IV. Báo cáo tình hình tài chính 9

V. Những tiến bộ Công ty SPT đã đạt được 9

VI. Các biện pháp kiểm soát 10

VII. Kế hoạch phát triển trong tương lai 10

Phần C: BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BẢN GIẢI TRÌNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN 13

Phần D: CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN 18

Phần E: TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ 20

I. Cơ cấu tổ chức Công ty 20

II. Tóm tắt lý lịch các thành viên Ban Điều hành Công ty 21

III. Số lượng cán bộ, viên chức và chính sách đối với người lao động 23

Phần F: THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY 24

I. Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát 24

II. Thống kê về cổ đông 29

Phần A
TỔNG QUAN CÔNG TY SPT

I. Thông tin chung

- Tên giao dịch tiếng Việt:

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG SÀI GÒN

- Tên giao dịch đối ngoại: **SAIGON POSTEL CORP.**
- Tên viết tắt: **SPT**
- Trụ sở chính: 199 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (84.8) 5 404 0608 Fax: (84.8) 5 404 0609
- Email: vpct@spt.vn
- Website: http://www.spt.vn
- Mã số thuế: 0300849034 – 1
- Tài khoản:

+ Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh

. Tài khoản Việt Nam đồng: 007.100.0020593

. Tài khoản ngoại tệ: 007.137.0100333

+ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông

. Tài khoản Việt Nam đồng: 0100.10.000.9342.003

. Tài khoản ngoại tệ: 0100.10.000.3560.009

II. Lịch sử hình thành và quá trình phát triển

Công ty Cổ phần Dịch vụ Bưu chính Viễn thông Sài Gòn (SPT) thành lập theo Giấy phép số 2914/GP.UB ngày 27/12/1995.

Công ty SPT là Công ty cổ phần đầu tiên hoạt động trong lĩnh vực Bưu chính Viễn thông Việt Nam.

2.1. Ngành nghề kinh doanh

Sản xuất, lắp ráp thiết bị viễn thông, xuất nhập khẩu và kinh doanh thiết bị bưu chính viễn thông. Thiết kế, lắp đặt, bảo trì hệ thống thiết bị thuê bao và mạng lưới bưu chính viễn thông chuyên dùng. Xây dựng công trình bưu chính viễn thông. Kinh doanh dịch vụ bưu chính viễn thông. Cung cấp dịch vụ Internet công cộng (ISP), cung cấp thông tin lên mạng Internet (ICP), thiết lập mạng và cung cấp dịch vụ điện thoại trung kế vô tuyến, thiết lập mạng viễn thông công

cộng và cung cấp các dịch vụ viễn thông, thiết lập mạng lưới và kinh doanh các dịch vụ viễn thông. Kinh doanh các loại hình dịch vụ bưu chính trong nước và quốc tế, làm đại lý ủy thác chuyển phát tài liệu, chứng từ kinh doanh và hàng hóa trong phạm vi cả nước (phải thực hiện theo qui định của pháp luật). Cung cấp các loại dịch vụ viễn thông sử dụng giao thức IP. Mua bán điện thoại. Cung cấp dịch vụ kết nối Internet (IXP): dịch vụ kết nối Internet trong nước (NIX) và dịch vụ kết nối Internet quốc tế (IIG). Chuyển tiền nhanh. Dịch vụ quảng cáo. Thiết lập mạng và cung cấp dịch vụ thông tin di động mặt đất. Cung cấp dịch vụ ứng dụng Internet viễn thông. Dịch vụ sửa chữa, bảo trì, bảo hành thiết bị đầu cuối.

Kinh doanh nhà ở. Môi giới bất động sản. Dịch vụ nhà đất. Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp. Trang trí nội-ngoại thất. Lắp đặt hệ thống điện dân dụng và công nghiệp, ăng ten truyền hình, cáp và mạng thông tin, thiết bị bảo vệ, báo động, thiết bị phòng cháy chữa cháy, thiết bị cấp thoát nước, điều hòa không khí, hệ thống sấy, hút bụi, thông gió, cầu thang, thang máy, băng chuyền tự động. Đại lý bán hàng hưởng hoa hồng.

2.2. Tình hình hoạt động

Năm 1996, Công ty SPT bắt đầu triển khai dịch vụ bưu chính, chuyển phát tại thị trường Thành phố Hồ Chí Minh. Ngay trong năm tiếp theo, Công ty SPT chính thức cung cấp dịch vụ Internet (ISP) với thương hiệu SaigonNet, trở thành một trong bốn nhà cung cấp dịch vụ Internet đầu tiên tại Việt Nam.

Từ 2001, Công ty SPT triển khai cung cấp dịch vụ VoIP đường dài trong nước và quốc tế với thương hiệu 177. Công ty đã nỗ lực thực hiện nhiều giải pháp kinh doanh để duy trì thị phần 25% ở phân khúc thị trường VOIP quốc tế.

Tại Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty SPT đã đưa mạng điện thoại cố định đầu số 4 vào khai thác và đang thiết lập hạ tầng để mở rộng ra các tỉnh thành lân cận. Công ty đã đạt gần 200.000 thuê bao cố định và ADSL. Đặc biệt, Công ty SPT là đơn vị phục vụ trọn gói dịch vụ viễn thông tại khu đô thị mới Phú Mỹ Hưng và nhiều khu dân cư tập trung, chung cư, cao ốc văn phòng tại TP.HCM.

Trong lĩnh vực di động, Công ty SPT là người đi tiên phong trong việc triển khai mạng điện thoại di động sử dụng công nghệ CDMA 2000-1x EV-DO tại Việt Nam với thương hiệu S-Fone. Năm 2009 thuê bao phát triển mới đạt 1 triệu thuê bao, nâng tổng số thuê bao tích lũy trên tòan mạng năm 2009 đạt 6,8 triệu thuê bao.

Ngoài việc duy trì, phát triển và tăng trưởng thuê bao, Công ty đã tích cực triển khai dịch vụ ứng dụng trên nền công nghệ CDMA như Mobile internet, Brew, Vod... đa dạng hóa các gói.

Đến nay, Công ty SPT đã có gần như đầy đủ các giấy phép quan trọng của ngành Bưu chính Viễn thông Việt Nam, đặc biệt 02 giấy phép thiết lập hạ tầng

mạng trục quốc gia và quốc tế.

Thành công bước đầu của Công ty SPT càng được khích lệ thêm bởi những ghi nhận của lãnh đạo cấp trên. Từ năm 2001 đến năm 2004, Công ty SPT được Chính phủ và Thành phố tặng nhiều Bằng khen, Cờ Đơn vị xuất sắc và đặc biệt năm 2005 được Chủ tịch nước tặng Huân chương Lao động Hạng 3. Liên tục trong 3 năm 2006,2007và 2008, Công ty SPT đoạt giải "Thương hiệu mạnh" trong Chương trình Thương hiệu mạnh Việt Nam do Thời báo Kinh tế Việt Nam phối hợp Cục Xúc tiến Thương mại (Bộ Thương mại) tổ chức và đạt giải Sao vàng Phương Nam và Sao vàng Đất Việt năm 2008.

Các chương trình "Dân ta biết sử ta", "Đồng hành vì người nghèo", "Ngày hội hiến máu nhân đạo" của Công ty SPT thu hút đông đảo người tham gia và tạo dư luận tốt trong xã hội. Với tổng doanh thu bình quân xấp xỉ 1000 tỷ đồng/năm, Công ty SPT đóng góp khá tốt cho ngân sách nhà nước.

Công ty SPT đang từng bước mở rộng mạng lưới cung cấp các loại hình dịch vụ tại 64 tỉnh thành trong cả nước và đầu tư ra nước ngoài. Hiện Công ty SPT đang cung cấp nhiều loại hình dịch vụ cho hàng triệu thuê bao; thị phần ngày càng mở rộng; thương hiệu SPT được nhận diện rộng rãi. Vốn điều lệ Công ty tăng nhiều lần so với 50 tỷ đồng ban đầu.

Sau hơn 14 năm hoạt động và phát triển với sự nỗ lực của Ban lãnh đạo cùng toàn thể cán bộ viên chức, Công ty SPT đã khẳng định thương hiệu và vị thế SPT trên thị trường bưu chính viễn thông trong nước và quốc tế.

III. Định hướng phát triển

3.1. Về dịch vụ

Triển khai kế hoạch mở rộng mạng lưới cung cấp dịch vụ ra phạm vi toàn quốc một cách phù hợp, hiệu quả. Tiếp tục tập trung nâng cao chất lượng dịch vụ và chất lượng phục vụ. Đặt trọng tâm vào khách hàng và cung cấp các dịch vụ khách hàng của mình một cách xuất sắc để tạo sự khác biệt;

Nghiên cứu phát triển các dịch vụ mới, các dịch vụ giá trị gia tăng để mang thêm các lợi ích cho khách hàng và khai thác sử dụng có hiệu quả hạ tầng viễn thông theo định hướng băng rộng, đa dịch vụ đã và đang được đầu tư.

3.2. Về hạ tầng và công nghệ

Xây dựng và phát triển hạ tầng viễn thông trong nước và quốc tế của công ty dựa trên nền công nghệ tiên tiến, dung lượng lớn, đồng bộ, có đủ năng lực để cung cấp đa dịch vụ băng rộng phù hợp với xu hướng hội tụ công nghệ (thoại, dữ liệu, hình ảnh). Tập trung vào băng rộng và các dịch vụ nội dung số bằng cách tự đầu tư một cách hợp lý để xây dựng CSHT đồng thời kết hợp với việc hợp tác, liên kết với đối tác để phát triển khách hàng băng rộng, tạo điều kiện thuận lợi để Công ty đưa ra thêm các dịch vụ mới.

Nghiên cứu cập nhật các khuynh hướng phát triển công nghệ, dịch vụ viễn thông và công nghệ thông tin trên thế giới. Có chiến lược phù hợp và kế hoạch ứng dụng hiệu quả vào phát triển hạ tầng mạng lưới và dịch vụ của Công ty.

3.3. Quản trị doanh nghiệp

Triển khai kế hoạch nghiên cứu tái cấu trúc doanh nghiệp phù hợp với chiến lược phát triển Công ty, áp dụng phương thức quản trị theo hướng tinh gọn, hiệu quả, cải thiện các quy trình vận hành của Công ty.

Thực hiện quá trình thay đổi để hiện đại hóa hệ thống quản trị, nâng cao chất lượng và năng lực quản lý, tiến hành các chương trình phát triển và học tập cụ thể, sát với yêu cầu để trang bị cho Cán bộ công nhân viên các kỹ năng, năng lực và kinh nghiệm cần thiết để thực hiện các nhiệm vụ và những thách thức trong việc phát triển kinh doanh;

Xây dựng văn hóa doanh nghiệp hướng đến khách hàng. Hình thành và hoàn thiện các chính sách để phát triển nguồn nhân lực giỏi chuyên môn, gắn bó với doanh nghiệp, có trách nhiệm với khách hàng và với cổ đông của Công ty.

3.4. Quan hệ với đối tác, cổ đông, khách hàng

Tích cực xây dựng và mở rộng mối quan hệ hợp tác bình đẳng, hiệu quả với các đối tác trong và ngoài nước cho sự phát triển của Công ty.

Duy trì và phát triển tốt mối quan hệ với các cổ đông hiện hữu của Công ty. Có định hướng tìm cổ đông chiến lược là doanh nghiệp, tổ chức trong và ngoài nước có kiến thức, kinh nghiệm về ngành nghề liên quan, có khả năng hỗ trợ về chuyên môn, về tài chính, về quản trị doanh nghiệp... đóng góp hiệu quả vào việc mang lại giá trị tăng thêm đối với hoạt động của Công ty.

Tiếp tục hoàn thiện các chính sách và quy trình phục vụ, quy trình chăm sóc đối với khách hàng sử dụng dịch vụ của Công ty. Xây dựng phong cách phục vụ thân thiện, chuyên nghiệp, phấn đấu để đáp ứng tốt hơn yêu cầu của khách hàng và trở thành một công ty có được sự lựa chọn cao từ khách hàng.

Phần B
BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG

I. Những kết quả hoạt động trong năm

- Bổ sung vốn điều lệ từ 425 tỷ lên 467,5 tỷ.
- Hoàn thành đầu tư dự án xây dựng tuyến cáp quang biển AAG, bắt đầu triển khai kinh doanh trong tháng 12/2009.
- Sản lượng Bưu chính tăng trưởng ổn định, đạt chỉ tiêu lợi nhuận tốt.
- Sản lượng VoIP Quốc tế giảm do ảnh hưởng bởi khủng hoảng kinh tế Thế giới. Đồng thời, giá cước tiếp tục giảm theo xu hướng chung của ngành viễn thông.
- Thuê bao băng rộng có tăng trưởng tốt từ 19% đến 71% so với năm 2008.
- Trong năm 2009, S-Fone đã hoàn tất triển khai kế hoạch đầu tư cải thiện dung lượng mạng với trị giá 2,1 triệu USD. Tính đến cuối tháng 12/2009, với 1.145 trạm thu phát sóng, phủ sóng trên 64 tỉnh thành.

II. Tình hình thực hiện so với năm trước

2.1. Về kinh doanh

- Doanh thu: **823,86 tỷ đồng** giảm 13,98% so với 2008, đạt 89,53% so với KH năm 2009.

- Lợi nhuận trước thuế: **-14,96 tỷ đồng.**

- Khấu hao: đạt 96,37 tỷ đồng, tăng 7,29% so với KH và thực hiện năm 2008. Lũy kế đến 31/12/2009: 613,35 tỷ đồng.

- Nộp ngân sách Nhà nước: 19,390 tỷ đồng.

- Lao động bình quân trong năm: 1.468 người. Thu nhập bình quân: 3,8 triệu đồng/người/tháng (không tính các đơn vị hợp doanh).

2.2. Về đầu tư:

Tính đến tháng cuối tháng 12/2009, tình hình đầu tư của toàn Công ty đạt được kết quả như sau:

- Giá trị đầu tư hoàn thành lũy kế : **1.197,10 tỷ đồng**
- Giá trị đầu tư hoàn thành (PAC) : **118,76 tỷ đồng**, tương đương 93,1% KH 2009 và bằng 69,9% so với cùng kỳ năm 2008

2.3. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ Công ty SPT tính đến thời điểm 31/12/2009 là 467,5 tỷ đồng (Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300849034 ngày 17/10/1996, đăng ký thay đổi lần thứ 22 ngày 28/12/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp).

III. Triển vọng và kế hoạch 2010

3.1. Dự báo chung năm 2010

- Nền kinh tế có khả năng hồi phục sau giai đoạn chịu ảnh hưởng bởi khủng hoảng tài chính toàn cầu, chỉ tiêu GDP trong năm 2009 là 5,2%, dự kiến 2010 khoảng 8,2%.
- Theo đánh giá của Goldman, kinh tế năm 2010 sẽ tiếp tục đối mặt với những rủi ro như lạm phát cao và thâm hụt ngân sách tương đối lớn.
- Nhà nước đã và đang quản lý chặt chẽ hơn về tài nguyên viễn thông, quy định quản lý thông tin thuê bao trả trước đối với các nhà cung cấp.
- Xu hướng thị trường vẫn sẽ là dịch vụ Băng rộng – Di động – Nội dung và có yêu cầu cao về chất lượng.
- Việc tham gia thị trường của các công ty viễn thông mới, sự cạnh tranh sẽ gay gắt hơn.
- Chính sách quy hoạch, phát triển hạ tầng viễn thông theo xu hướng chia sẻ, dùng chung cho các Doanh nghiệp.
- Các chính sách quản lý vĩ mô sẽ điều chỉnh theo hướng tuân thủ các cam kết với quốc tế và mở rộng dịch vụ viễn thông cho nhiều thành phần tham gia.

3.2. Định hướng kinh doanh và mục tiêu năm 2010

Năm 2010, SPT sẽ tiếp tục tập trung phát triển dịch vụ băng rộng và các dịch vụ mới trên nền IP. Cố gắng duy trì dịch vụ VoIP ở mức sản lượng cao đồng thời phát triển các dịch vụ mới để tạo nguồn thu thay thế. Về dịch vụ viễn thông cố định, tập trung vào phân khúc thị trường là các doanh nghiệp, khu công nghiệp, khu dân cư mới, tòa cao ốc văn phòng,... là đối tượng có doanh thu ổn định và khá cao.

Tiếp tục tích cực triển khai các giải pháp quản lý hệ thống mạng hiện hữu, đảm bảo hệ thống mạng hoạt động ổn định, an toàn và hiệu quả.

Tiết kiệm chi phí, giảm giá thành bằng nhiều giải pháp và kiểm tra chặt chẽ việc thực hiện chi phí.

Tiếp tục từng bước sử dụng giải pháp cáp quang thay thế dần cáp đồng.

Mở rộng phạm vi cung cấp dịch vụ tại các địa phương lân cận TP HCM, và HNI, ĐNG, CTO. Chuẩn bị tốt các dự án đầu tư quan trọng cho kế hoạch kinh doanh năm 2010 và các năm tiếp theo.

Ngoài các dịch vụ hiện hữu, SPT đưa vào khai thác các dịch vụ như FTTx, cho thuê kênh quốc tế, IPTalk, … và thực hiện thử nghiệm kỹ thuật một số dịch vụ mới. Chuẩn bị tốt việc khai thác kinh doanh năm 2011 dựa trên nền tảng đầu tư của các dự án.

Bên cạnh đó, tăng cường xúc tiến hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước để đẩy mạnh kinh doanh, tăng nguồn thu, rút ngắn các giai đoạn đầu tư,...

3.3. Mục tiêu kinh doanh 2010

- Tổng doanh thu : 1.012,1 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế : 43,0 tỷ đồng
- Chi phí khấu hao : 67,9 tỷ đồng
- Lợi nhuận + khấu hao : 110,9 tỷ đồng

IV. Báo cáo tình hình tài chính

Xem Phần C- Báo cáo tài chính, bản giải trình và báo cáo kiểm toán thuộc tài liệu này.

V. Những tiến bộ Công ty SPT đã đạt được

5.1. Về cơ cấu tổ chức – nhân sự

Lao động bình quân năm 2009 là 1468 , giảm 9 % so với năm 2008.

Công ty có nhiều hoạt động cải tiến về cơ cấu tổ chức và quản trị trong công ty như:

- Sáp nhập các đơn vị cơ sở kinh doanh không hiệu quả.
- Bộ máy tổ chức của các đơn vị kinh doanh và các Phòng Ban tham mưu được sắp xếp lại tinh gọn và hiệu quả hơn.
- Chất lượng của đội ngũ quản lý được chủ trọng nâng cao bằng nhiều chương trình đào tạo cơ bản và thực tế;
- Xem xét tăng thu nhập nhằm lưu giữ được các nhân sự tốt và giữ các vị trí công việc quan trọng.

5.2. Về kinh doanh

Thị trường Bưu chính Viễn thông đang ở trong tình trạng cạnh tranh khốc liệt, các chỉ tiêu chủ yếu về tăng trưởng thuê bao, sản lượng, tài chính cũng chịu

ảnh hưởng chung. Riêng, dịch vụ băng rộng có mức tăng trưởng tốt.

Đẩy mạnh việc kinh doanh dịch vụ chuyển phát, băng rộng, dịch vụ VoIP quốc tế và dịch vụ khác trên nền IP, tập trung cung cấp dịch vụ đến các thị trường trọng điểm tại các khu dân dư mới, chung cư, cao ốc văn phòng tại TP.HCM, Đà Nẵng,..

5.3. Về trách nhiệm xã hội

Bên cạnh các hoạt động kinh doanh, SPT luôn hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước, nghĩa vụ với người lao động và xã hội. Trong năm 2009, Công ty đã tham gia các hoạt động công tác xã hội như hiến máu nhân đạo, tặng quà cho Trường nuôi dạy trẻ khuyết tật, Trường nuôi dạy trẻ vào đời sớm....

VI. Các biện pháp kiểm soát

6.1. Về cơ chế báo cáo

Thực hiện nghiêm túc các chế độ báo cáo của Ban điều hành đối với Thường trực Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Hội đồng Quản trị. Các báo cáo với các cơ quan cấp trên và Ban Ngành liên quan được thực hiện đầy đủ.

Việc trao đổi thông tin và quản lý văn bản thống nhất trong toàn Công ty qua phần mềm tiện ích giúp Ban Điều hành kịp thời xử lý những vấn đề phát sinh. Ngoài ra, Ban Điều hành thường xuyên tổ chức họp trao đổi định kỳ với các trưởng Đơn vị để trao đổi kinh nghiệm và thống nhất trong chương trình hoạt động.

6.2. Về hệ thống kiểm soát

Xây dựng hoàn chỉnh các quy định tài chính kế toán, các thủ tục kiểm soát nội bộ; Ban Kiểm toán nội bộ đã đi vào hoạt động ổn định và thể hiện được chức năng của mình trong hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm. Hoạt động của bộ phận Pháp chế được tăng cường mạnh mẽ hơn để đảm bảo sự phù hợp của các hợp đồng đối với quy định của pháp luật.

Hoàn thiện các quy trình chuẩn nội bộ các đơn vị, giữa các đơn vị, giữa Đơn vị và Công ty.

VII. Kế hoạch phát triển trong tương lai

7.1 Về sản xuất kinh doanh

- Mục tiêu chính trong năm 2010 là cố gắng bảo toàn nguồn vốn, nguồn nhân lực, đảm bảo mục tiêu phát triển thuê bao ***đặc biệt là thuê bao Internet băng rộng*** và khai thác tối ưu hiệu quả tuyến cáp AAG, hoàn

tất giai đoạn nghiên cứu thử nghiệm đưa vào vận hành kinh doanh các dịch vụ IP Talk; IP connect; FTTX, IPTV;...

- Tập trung chăm sóc khách hàng, đặc biệt là các khách hàng đại lý, doanh nghiệp, có ARPU lớn. Tăng độ hài lòng của khách hàng, cố gắng hạn chế thuê bao rời bỏ mạng trong tình hình hiện nay mức độ trung thành của khách hàng ngày càng giảm do các chương trình khuyến mãi rầm rộ từ các doanh nghiệp viễn thông cho họ có nhiều cơ hội lựa chọn hơn. Đi đôi với mục tiêu **chăm sóc khách hàng** là biện pháp ***mở rộng băng thông*** để nâng cao chất lượng dịch vụ ADSL, Leased line, IP-VPN,... nhằm thu hút thuê bao trên cơ sở khai thác tuyến cáp AAG đã đầu tư.
- Mở rộng kênh phân phối, kênh phát triển thuê bao bằng giải pháp thuê ngoài nhằm đảm bảo thuê bao phát triển mới đạt, vượt kế hoạch đề ra.
- Duy trì lưu lượng VoIP quốc tế đến ở mức cao, phấn đấu giữ vững thị phần bằng hình thức kinh doanh linh hoạt, đảm bảo hiệu quả.
- Marketing: Cải thiện chất lượng phục vụ để nâng cao hình ảnh công ty; Tập trung quảng bá thương hiệu hỗ trợ việc bán hàng cho các dịch vụ hiện hữu và các dịch vụ mới; Chuẩn hóa các điểm giao dịch để tạo hình ảnh chuyên nghiệp thân thiện.
- Về bán hàng: Xây dựng chính sách bán hàng, mức giá cước linh động ; Tích hợp các dịch vụ để tạo gói dịch vụ mới thu hút khách hàng; Xây dựng đội ngũ bán hàng chuyên nghiệp, đẩy mạnh công tác bán hàng trực tiếp.
- Hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước để đẩy nhanh tốc độ đầu tư, khai thác kinh doanh, phong phú hóa nguồn vốn.
- Bán các cổ phiếu không khả năng sinh lợi, *tận dụng cơ hội vay đầu tư với lãi suất ưu đãi*, định mức và kiểm soát chi phí.

7.2 Về công tác quản lý điều hành

- Gắn trách nhiệm hiệu quả hoạt động với lãnh đạo đơn vị, xây dựng qui chế trả lương theo hiệu quả và chỉ tiêu bán hàng. Cắt giảm lao động dôi dư, yếu kém tuyển mới đội ngũ lao động đúng tiêu chuẩn, trả lương phù hợp theo mặt bằng chung của thị trường và đối với ngành nghề hoạt động. Có biện pháp cụ thể để bảo toàn nguồn nhân lực và đào tạo đội ngũ kế thừa.
- Tái cấu trúc bộ máy trên cơ sở tinh gọn và hiệu quả, củng cố nguồn nhân lực; Hoàn thiện bộ máy điều hành từ cấp cao đến cấp trung, tăng cường phân quyền đi đôi với biện pháp kiểm soát.

- Thực hành tiết kiệm, quản lý chặt giá thành dịch vụ bằng các biện pháp định mức, giao ngân sách thông qua Ban kiểm toán nội bộ kiểm tra giám sát việc thực hiện. Sử dụng hiệu quả nguồn vốn trong hoạt động đầu tư, kinh doanh.
- Tranh thủ sự hợp tác hỗ trợ với các cổ đông chiến lược trong lãnh vực tài chánh, cung cấp dịch vụ, hợp tác đầu tư nhằm đẩy mạnh việc phát triển thị trường, thị phần và mở rộng đầu tư.

7.3 Về Đầu tư

- **Định hướng đầu tư năm 2010**

  - ✓ Tập trung phát triển dịch vụ băng rộng
  - ✓ Chủ trương hợp tác để phát triển các dịch vụ tích hợp trên hạ tầng chung
  - ✓ Khai thác tối đa hạ tầng đã đầu tư
  - ✓ Đầu tư có tập trung theo phân khúc thị trường

- **Giá trị đầu tư**

Dự kiến trong năm 2010 công tác nghiên cứu và lập hồ sơ dự án ước tính khoảng 146,84 tỷ đồng. Trong đó, đầu tư hoàn thành năm 2010 là 169,35 tỷ đồng. Gồm:

-Giá trị đầu tư năm 2009 chuyển sang: 76,77 tỷ đồng

-Giá trị đầu tư mới năm 2010: 92,58 tỷ đồng

Phần C
BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BẢN GIẢI TRÌNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Tổ chức kiểm toán

- Công ty Trách nhiệm hữu hạn Kiểm toán A&C.
- Địa chỉ: 229 Đồng Khởi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: (08) 38.272.295 Fax: (84-8) 38.272.300
- Website: http://www. auditconsult.com.vn

I. Báo cáo Tài chính

1.1. Bảng cân đối kế toán

Số TT	Nội dung	Số cuối năm	Số đầu năm
I	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**	**458.498.755.549**	**405.115.564.882**
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	31.102.390.232	109.530.908.115
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	89.759.423.800	27.476.272.400
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	293.036.972.757	197.885.749.870
4	Hàng tồn kho	31.917.933.743	55.305.437.063
5	Tài sản ngắn hạn khác	12.682.035.017	14.917.197.434
II	**TÀI SẢN DÀI HẠN**	**1.225.013.841.069**	**1.257.921.846.940**
1	Các khoản phải thu dài hạn		-
2	Tài sản cố định	882.412.856.720	600.015.463.240
	- Tài sản cố định hữu hình	495.303.355.135	485.361.996.243
	- Tài sản cố định vô hình	27.870.003.606	27.549.808.664
	- Tài sản cố định thuê tài chính		-
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	359.239.497.979	87.103.658.333
3	Bất động sản đầu tư		-
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	299.722.955.582	606.924.528.244
5	Tài sản dài hạn khác	42.878.028.767	50.981.855.456
III	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**	**1.683.512.596.618**	**1.663.037.411.822**
IV	**NỢ PHẢI TRẢ**	**752.293.575.903**	**704.979.337.429**
1	Nợ ngắn hạn	659.679.043.152	580.148.752.070
2	Nợ dài hạn	92.614.532.751	124.830.585.359
V	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**931.219.020.715**	**958.058.074.393**
1	Vốn chủ sở hữu	929.151.248.454	955.757.068.655
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	467.499.910.000	425.000.000.000
	- Thặng dư vốn cổ phần	498.140.411.000	540.722.511.000
	- Vốn khác của chủ sở hữu		
	- Cổ phiếu ngân quỹ		
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản		
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái		
	- Quỹ đầu tư phát triển	19.213.012.703	19.772.689.703
	- Quỹ dự phòng tài chính	6.387.727.643	6.387.727.643
	- Các quỹ		
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(57.028.339.599)	(36.125.859.691)
	- Nguồn vốn đầu tư XDCB		
2	Nguồn kinh phí, quỹ khác	2.067.772.261	2.301.005.738
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi		
	- Nguồn kinh phí		
	- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		
VI	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**	**1.683.512.596.618**	**1.663.037.411.822**

1.2. Báo cáo kết quả kinh doanh

Số TT	Nội dung	2009	2008
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	823.856.366.577	957.756.236.309
2	Các khoản giảm trừ	504.800.335	18.548.210
3	Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV	823.351.566.242	957.737.688.099
4	Giá vốn hàng bán	732.180.118.991	806.272.790.319
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và CCDV	91.171.447.251	151.464.897.780
6	Doanh thu hoạt động tài chính	55.025.170.066	28.450.571.445
7	Chi phí tài chính	40.839.180.879	113.672.943.618
8	Chi phí bán hàng	17.004.626.999	21.380.027.229
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	99.929.044.466	99.451.364.147
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	-11.576.235.027	-54.588.865.769
11	Thu nhập khác	1.412.394.552	11.062.767.016
12	Chi phí khác	4.804.309.313	3.777.917.248
13	Lợi nhuận khác	-3.391.914.761	7.284.849.768
14	Tổng lợi nhuận trước thuế	(14.968.149.788)	(47.304.016.001)
15	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.662.056.688
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(2.988.941.007)	(12.157.198.592)
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(11.979.208.781)	(36.808.874.097)
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu		(1.133)
19	Cổ tức trên cổ phiếu		-

1.3. Chỉ số tài chính

Chỉ số	2009	2008
Tỷ số thanh toán		
Tỷ số thanh toán hiện hành	0,70	0,70
Tỷ số thanh toán nhanh	0,65	0,60
Tỷ suất sinh lợi		
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (%)	-1,45%	-3,84%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản (%)	-0,71%	-2,21%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu (%)	-1,29%	-3,85%

Tỷ số sinh lợi là số âm, tuy nhiên năm 2009 mức lỗ thấp hơn 2008 cụ thể số lỗ từ -36,8 tỷ đồng xuống còn -11,9 tỷ đồng.

II. Báo cáo Kiểm toán

2.1. Ý kiến kiểm toán độc lập

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2009 của Công ty Cổ phần dịch vụ bưu chính Viễn thông Sài Gòn (gọi tắt là SPT) gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp , Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 18 tháng 6 năm 2010, từ trang 07 đến trang 30 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty năm 2008 đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên của công ty kiểm toán này đã đưa ra Báo cáo kiểm toán vào ngày 16 tháng 6 năm 2009 có dạng ý kiến ngoại trừ. Các ngoại trừ liên quan đến: (1) phạm vi kiểm toán bị giới hạn do Trung tâm điện thoại di động CDMA (S-telecom) do theo Công văn số 86661/BTC-CĐKT ngày 14 tháng 7 năm 2006 của Bộ Tài chính, Công ty SPT được tạm thời chưa thực hiện hợp nhất báo cáo tài chính của S-telecom vào báo cáo của SPT, số liệu kế toán của Trung tâm Nam Sài Gòn được kiểm toán bởi một Công ty kiểm toán khác, (2) chưa trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính của khoản đầu tư vào cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt nam.

2.2. Cơ sở đưa ra ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính tổng hợp không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính tổng hợp ; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp . Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

2.3. Giới hạn về phạm vi kiểm toán

Phạm vi kiểm toán bị giới hạn do Trung tâm điện thoại di động CDMA (S-telecom) do theo Công văn số 17128/BTC-CĐKT ngày 7 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính, Công ty SPT được tạm thời chưa thực hiện xem xét ảnh hưởng của Hợp đồng hợp tác kinh doanh này vào báo cáo của SPT.

Số liệu kế toán của Trung tâm Nam Sài Gòn được kiểm toán bởi một

Công ty kiểm toán khác và các Chi nhánh không thực hiện kiểm toán đang được tổng hợp trong Báo cáo tài chính 2009 của Công ty bao gồm Chi nhánh Hà Nội, Chi nhánh Đà nẵng và Trung tâm truyền dẫn đường dài trong nước và quốc tế STN do Trung tâm thành lập tháng 8 năm 2009 và 2 Chi nhánh Hà Nội và Đà Nẵng đã được kiểm soát chi phí bởi Văn phòng Công ty.

2.4. Vấn đề ảnh hưởng đến ý kiến kiểm toán viên

Như đã nêu tại thuyết minh V.13 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính, Công ty chưa chuyển giao và tính khấu hao phần quản lý phí và chi phí lãi vay liên quan đến một số tài sản cố định có giá trị là 22.382.637.318 VND. Các chi phí này được Quyết toán vốn tháng 12 năm 2009 và tháng 1 năm 2010 Công ty đã ghi nhận bổ sung giá trị tài sản cố định chuyển giao cho các đơn vị trực thuộc.

Khoản tiền lương đã chi 2006 vượt mức chi được chấp thuận của Hội đồng quản trị là 2.416.046.739 VND đang được ghi nhận là khoản phải thu trên tài khoản tiền lương chờ xử lý.

2.5. Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng (nếu có) của những vấn đề nêu trên, Báo cáo tài chính tổng hợp sau khi đã điều chỉnh theo ý kiến của kiểm toán viên đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần dịch vụ bưu chính Viễn thông Sài Gòn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi chỉ muốn lưu ý người đọc Báo cáo tài chính đến các vấn đề sau:

Thuyết minh VI..15 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính về việc thay đổi chính sách kế toán liên quan đến xử lý chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ theo Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài Chính. Việc thay đổi chính sách kế toán này làm cho khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm của tiền, các khoản nợ ngắn hạn là 5.061.473.294 VND được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) thay vì kết chuyển vào chi phí như những năm trước.

Phần D
CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN

I. Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần của Công ty SPT: không có.

II. Công ty có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do Công ty SPT nắm giữ: không có.

III. Báo cáo tình hình góp vốn thực tế của Công ty SPT vào các đơn vị liên doanh, các công ty cổ phần khác đến ngày 31/12/2008

3.1. Trung tâm Điện thoại di động CDMA (S-Telecom)

- Trụ sở: 97 Nguyễn Thị Minh Khai, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: (84.8) 404 0079 Fax: (84.8) 925 4287
- Vốn hoạt động: 229.617.000 USD
- Vốn góp của Công ty SPT: 268.163.030.627 đồng
- Ngành nghề kinh doanh: Cung cấp dịch vụ thông tin di động.

3.2. Công ty Cổ phần Cáp Sài Gòn (SCC):

- Trụ sở: Khu công nghiệp Long Thành, Tỉnh Đồng Nai
- Điện thoại: (061) 351 4127 Fax: (061) 351 4126
- Giấy chứng nhận ĐKKD số: 4703000255 Sở KH&ĐT tỉnh Đồng nai cấp
- Vốn điều lệ: 300.000.000.000 đồng.
- Vốn góp của Công ty SPT: 21.900.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 6,3 % Vốn điều lệ Công ty SCC (Ngoài ra Công Đoàn Công ty SPT có đứng tên 37.494 cổ phiếu Công ty Cáp Sài Gòn tương đương 1.687.208.000 đồng)
- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất, kinh doanh các loại cáp vật liệu viễn thông.

3.3. Công ty Cổ phần Nhựa Sam Phú (SPC)

- Trụ sở: Khu công nghiệp Long Thành, Tỉnh Đồng Nai
- Điện thoại: (061) 351 4166 Fax: (061) 351 4165
- Giấy chứng nhận ĐKKD số: 4703300327 Sở KH&ĐT tỉnh Đồng nai cấp
- Vốn điều lệ: 50.000.000.000 đồng.
- Vốn góp của Công ty SPT: 2.091.360.000 đồng, chiếm tỷ lệ 4,18% Vốn điều lệ Công ty SPC.
- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất sản phẩm ống nhựa.

3.4. Công ty Cổ phần Vật liệu Điện và Viễn Thông (Sametel)

- Trụ sở: đường số 1, Khu công nghiệp Long Thành, Tỉnh Đồng Nai
- Điện thoại: (061) 351 4277 Fax: (061) 351 4276
- Giấy chứng nhận ĐKKD số: 4703000342 Sở KH&ĐT tỉnh Đồng nai cấp
- Vốn điều lệ: 25.000.000.000 đồng.
- Vốn góp của Công ty SPT: 1.250.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 5,00% Vốn điều lệ Công ty SPC.
- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất, lắp ráp các thiết bị vật liệu điện.

3.5.Khu công nghệ cao

- Trụ sở: Lô 6.1 tòa nhà Etown 2, số 364 Cộng hòa, F13 Q TB. TP.HCM
- Điện thoại:(08) 3810 0017 Fax: (08) 3810 0337
- Giấy chứng nhận ĐKKD số: 4103006017 do Sở KH&ĐT TP.HCM cấp
- Vốn điều lệ: 300.000.000.000 đồng.
- Vốn góp của Công ty SPT: 15.000.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 5,00% Vốn điều lệ Khu công nghệ cao.
- Ngành nghề kinh doanh: Đầu tư, xây dựng, kinh doanh các công trình hạ tầng

Phần E
TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

I. Cơ cấu tổ chức Công ty

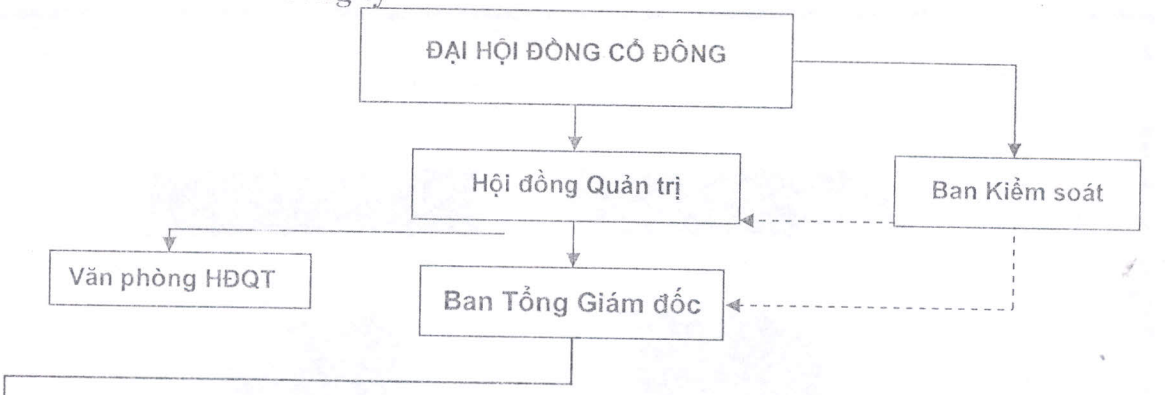

Khối Tham mưu

P. Hành chính – Quản trị | P. Tổ chức – Nhân sự | P. Kế toán – Tài vụ

P. Kế hoạch – Chiến lược | P. Dự án – Đầu tư | P. Kinh doanh Tiếp thị

P. Công nghệ thông tin | P. Kỹ thuật và Công nghệ | P. Mua sắm

Ban Pháp chế | Ban QLDA mạng Truyền dẫn Microware | Ban Kiểm toán nội bộ

Khối trực tiếp sản xuất kinh doanh

Các Trung tâm chuyên doanh trực thuộc

- Trung tâm Điện thoại SPT (STC)
- Trung tâm Bưu chính Sài Gòn (SGP)
- Trung tâm Viễn thông IP (IPT)
- Trung tâm Dịch vụ Viễn thông SPT (STS)
- Trung tâm Truyền dẫn đường dài trong nước và quốc tế

Liên doanh, Hợp tác kinh doanh, Tham gia góp vốn

- Trung tâm Điện thoại di động CDMA (S-Telecom)
- Trung tâm Điện thoại Nam Sài Gòn (SST)

Chi nhánh Công ty tại các tỉnh thành trong cả nước

- Chi nhánh SPT tại Hà Nội
- Chi nhánh SPT tại Đà Nẵng
- Chi nhánh SPT tại 64 tỉnh thành trong cả nước

Đại diện tại nước ngoài

- Công ty tại Hồng Kông

II. Tóm tắt lý lịch các thành viên Ban Điều hành Công ty

Ban Tổng Giám đốc: 05 thành viên và Kế toán trưởng.

2.1. Ông HỒ HỒNG SƠN, Tổng Giám đốc.

- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1957
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Cam Lộ, Quảng Trị.
- Trình độ văn hóa: 12/12.
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh, Kỹ sư Công nghệ lọc hóa dầu.
- Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc Công ty SPT, kiêm nhiệm Giám đốc điều hành Trung tâm Điện thoại di động CDMA (S-Telecom).
- Số cổ phần nắm giữ:
  + Cổ phần cá nhân: 3.581 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0.008% Vốn điều lệ
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không
- Các khoản nợ đối với Công ty: không

2.2. Ông NGUYỄN NHẬT TÂN, Phó Tổng Giám đốc.

- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1951
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Cần Thơ.
- Trình độ văn hóa: 12/12.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật
- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty SPT, kiêm nhiệm Giám đốc Trung tâm Điện thoại Nam Sài Gòn (SST).
- Số cổ phần nắm giữ:
  + Cổ phần cá nhân: 6.646 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0.014% Vốn điều lệ
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không
- Các khoản nợ đối với Công ty: không

2.3. Bà HUỲNH NGỌC CẨM, Phó Tổng Giám đốc phụ trách Nội vụ - Tài chính.

- Giới tính: Nữ
- Năm sinh: 1960

- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Gò Công, Tiền Giang
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám Đốc Công ty SPT phụ trách Nội vụ - Tài chính.

- Số cổ phần nắm giữ:

+ Cổ phần cá nhân: 7.494 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0.016% Vốn điều lệ

- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không
- Các khoản nợ đối với Công ty: không

2.4. Ông TÔN MINH THÔNG, Phó Tổng Giám đốc.

- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1959
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Thị xã Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang.
- Trình độ văn hóa: 12/12.
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kỹ thuật, Kỹ sư Máy tính, Kỹ sư Vô tuyến thông tin.
- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty SPT.
- Số cổ phần nắm giữ:

+ Cổ phần cá nhân: 6.646 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0.014% Vốn điều lệ

- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không
- Các khoản nợ đối với Công ty: không

2.5. Ông LÊ QUANG TRIỆU, Phó Tổng Giám đốc.

- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1962
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Huyện Mỏ Cày, Tỉnh Bến Tre.
- Trình độ văn hóa: 12/12.
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kỹ thuật Viễn thông, Kỹ sư Vô tuyến điện và thông tin, Cao đẳng Kỹ sư thực hành Vô tuyến điện.
- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty SPT.
- Số cổ phần nắm giữ:

+ Cổ phần cá nhân: 3.581 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0.008% Vốn điều lệ

- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không
- Các khoản nợ đối với Công ty: không

2.6. Bà PHẠM THỊ THANH THÚY, Kế toán trưởng.

- Giới tính: Nữ
- Năm sinh: 1973
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Tiền Giang
- Trình độ văn hóa: 12/12.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế chuyên ngành Tài chính.
- Chức vụ công tác hiện nay: Kế toán trưởng Công ty SPT.
- Số cổ phần nắm giữ:

+ Cổ phần cá nhân: không

- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không
- Các khoản nợ đối với Công ty: không

III. Số lượng cán bộ, viên chức và chính sách đối với người lao động

- Lao động bình quân năm 2009 là 1468 , giảm 9 % so với năm 2008.

- Lương bình quân của Cán bộ, viên chức: 3,73 triệu đồng/người/tháng (tăng 11% so với năm 2008).

- Công ty thực hiện đầy đủ chế độ chính sách của nhà nước quy định cho người lao động.

- Năm 2009, Công ty thực hiện nâng mức lương cơ bản một hệ số từ 580.000 đ/hệ số lên 650.000 đồng/hệ số để nâng cao mức thực hiện chế độ chính sách cho người lao động.

- Ngoài ra, trong năm 2009, Công ty đã thực hiện nhiều đợt điều chỉnh thu nhập cho người lao động để thu hút lao động giỏi, khuyến khích tăng năng suất lao động...

- Phối hợp với Công đoàn thực hiện các phúc lợi khác như chế độ cho lao động nữ, con nhân viên, trợ cấp hoặc các hình thức chăm lo khác cho gia đình nhân viên.

- Ngoài ra, Công ty còn tổ chức các khoá đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho viên chức, trình độ quản lý cho cán bộ lãnh đạo trong và ngoài nước, tổ chức các khóa huấn luyện an toàn vệ sinh lao động cho viên chức kỹ thuật, trực tiếp sản xuất...

Phần F

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

I. Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát

1.1. Hội đồng Quản trị: gồm 08 thành viên và có cơ cấu như sau:

- Thành viên thường trực:
  + Bà Trần Thị Ngọc Bình, Chủ tịch.
- Thành viên không thường trực:
  + Ông Nguyễn Dương Hiệu, Phó Chủ tịch.
  + Ông Võ Hòa Bình, Ủy viên
  + Ông Hồ Hồng Sơn, Ủy viên – Tổng Giám đốc
  + Ông Nguyễn Thế Tân, Ủy viên
  + Ông Nguyễn Minh Tuấn, Ủy viên
  + Ông Phạm Ngọc Tuấn, Ủy viên
  + Ông Nguyễn Văn Vân, Ủy viên.

1.1.1. Bà **TRẦN THỊ NGỌC BÌNH**, Chủ tịch Hội đồng Quản trị

- Giới tính: Nữ
- Năm sinh: 1951
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Gò Dầu, Tây Ninh
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Hệ thống Vô tuyến điện
- Chức vụ công tác hiện nay: Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty SPT
- Số cổ phần nắm giữ:

  + Đại diện Ban Tài chính Quản trị Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh sở hữu: 1.901.229cổ phần, chiếm tỷ lệ 4.07% Vốn điều lệ.

  + Cổ phần cá nhân: 6.026cổ phần, chiếm tỷ lệ 0.01% Vốn điều lệ.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không
- Các khoản nợ đối với Công ty: không

1.1.2. Ông **NGUYỄN DƯƠNG HIỆU**, Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị

- Giới tính: Nam

- Năm sinh: 1958
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Tân Yên, Hà Bắc
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí
- Chức vụ công tác hiện nay:

+ Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty SPT

+ Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bến Thành (Ben Thanh Group)

- Số cổ phần nắm giữ:

+ Đại diện Tổng Công ty Bến Thành (Ben Thanh Group) sở hữu: 1.948.985cổ phần, chiếm tỷ lệ 4.17% Vốn điều lệ.

+ Cổ phần cá nhân: 7.191cổ phần, chiếm tỷ lệ 0.02% Vốn điều lệ.

- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không
- Các khoản nợ đối với Công ty: không

1.1.3. Ông **VÕ HÒA BÌNH**, Ủy viên Hội đồng Quản trị

- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1955
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Bến Tre
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ viễn thông
- Chức vụ công tác hiện nay:

+ Ủy viên Hội đồng Quản trị Công ty SPT

+ Phó Giám đốc Viễn thông Thành phố Hồ Chí Minh

- Số cổ phần nắm giữ:

+ Đại diện Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam sở hữu: 6.842.962cổ phần, chiếm tỷ lệ 14.64% Vốn điều lệ.

+ Cổ phần cá nhân: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ % Vốn điều lệ.

- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không
- Các khoản nợ đối với Công ty: không

1.1.4. Ông **HỒ HỒNG SƠN**, Ủy viên Hội đồng Quản trị - Tổng Giám đốc

- Giới tính: Nam

- Năm sinh: 1957
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Cam Lộ, Quảng Trị.
- Trình độ văn hóa: 12/12.
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh, Kỹ sư Công nghệ lọc hóa dầu.
- Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên Hội đồng Quản trị - Tổng Giám đốc Công ty SPT - Giám đốc điều hành Trung tâm Điện thoại di động CDMA (S-Telecom)
- Số cổ phần nắm giữ:

  + Cổ phần cá nhân: 3.581cổ phần, chiếm tỷ lệ 0.01% Vốn điều lệ.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không
- Các khoản nợ đối với Công ty: không

1.1.5. Ông **NGUYỄN THẾ TÂN**, Ủy viên Hội đồng Quản trị

- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1958
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Tiền Giang
- Trình độ văn hóa: 12/12.
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế
- Chức vụ công tác hiện nay:

  + Ủy viên Hội đồng Quản trị Công ty SPT

  + Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH 1 thành viên Kỳ Hòa
- Số cổ phần nắm giữ:

  + Đại diện Công ty TNHH 1 thành viên Kỳ Hòa sở hữu: 3.834.119cổ phần, chiếm tỷ lệ 8.20% Vốn điều lệ.

  + Cổ phần cá nhân: 0cổ phần, chiếm tỷ lệ % Vốn điều lệ.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không
- Các khoản nợ đối với Công ty: không

1.1.6. Ông **NGUYỄN MINH TUẤN**, Ủy viên Hội đồng Quản trị

- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1978
- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Quảng Ngãi
- Trình độ văn hóa: 12/12.
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Tài chính – Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
- Chức vụ công tác hiện nay:
  + Ủy viên Hội đồng Quản trị Công ty SPT
  + Trưởng Phòng Đầu tư – Ngân hàng Á Châu (ACB)
- Số cổ phần nắm giữ:
  + Đại diện Ngân hàng Á Châu (ACB) sở hữu: 2.157.691cổ phần, chiếm tỷ lệ 4.62% Vốn điều lệ.
  + Cổ phần cá nhân: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ % Vốn điều lệ.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không
- Các khoản nợ đối với Công ty: không

1.1.7. Ông **PHẠM NGỌC TUẤN**, Ủy viên Hội đồng Quản trị

- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1952
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Tiền Giang
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh.
- Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên Hội đồng Quản trị
- Số cổ phần nắm giữ:
  + Cổ phần cá nhân: 4.862 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0.01% Vốn điều lệ.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không
- Các khoản nợ đối với Công ty: không

1.1.8. Ông **NGUYỄN VĂN VÂN**, Ủy viên Hội đồng Quản trị

- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1954
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Trung Ngải, Vũng Liêm, Vĩnh Long
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật

- Chức vụ công tác hiện nay:

+ Ủy viên Hội đồng Quản trị Công ty SPT

+ Giám đốc Công ty Quản lý Nhà Quận 1 (nay là Công ty Công ty Công trình công cộng Quận 1)

- Số cổ phần nắm giữ:

+ Đại diện Công ty Quản lý Nhà Quận 1 sở hữu: 7.369.109 cổ phần, chiếm tỷ lệ 15.76% Vốn điều lệ.

+ Cổ phần cá nhân: không có

- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không
- Các khoản nợ đối với Công ty: không

2.2. Ban Kiểm soát: gồm 03 thành viên và có cơ cấu như sau:

+ Ông Bùi Xuân Bắc, Trưởng ban.

+ Ông Nguyễn Quốc Toản, Phó Trưởng Ban.

+ Ông Nguyễn Nhân Nghĩa, Thành viên.

2.2.1. Ông **BÙI XUÂN BẮC**, Trưởng ban Ban Kiểm soát

- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1959
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hà Nam
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Chức vụ công tác hiện nay:

+ Trưởng ban Ban Kiểm soát Công ty SPT

+ Phó Tổng Giám đốc Công TNHH TNT (T&T Co. Ltd)

- Số cổ phần nắm giữ:

+ Đại diện Công ty TNHH TNT sở hữu: 1.885.809cổ phần, chiếm tỷ lệ 4.03% Vốn điều lệ.

+ Cổ phần cá nhân: 4.286cổ phần, chiếm tỷ lệ 0.01% Vốn điều lệ.

- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không
- Các khoản nợ đối với Công ty: không

2.2.2. Ông **NGUYỄN QUỐC TOẢN**, Phó Trưởng ban Ban Kiểm soát

- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1970

- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Nam Định
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Kế toán
- Chức vụ công tác hiện nay:

+ Phó Trưởng ban Ban Kiểm soát Công ty SPT

+ Phó Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Thương mại CP Ngoại Thương Việt Nam TP. Hồ Chí Minh

- Số cổ phần nắm giữ:

+ Đại diện Ngân hàng Thương mại CP Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank) sở hữu: 1.798.076cổ phần, chiếm tỷ lệ 3.85% Vốn điều lệ.

+ Cổ phần cá nhân: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ % Vốn điều lệ.

- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không
- Các khoản nợ đối với Công ty: không

2.2.3. Ông **NGUYỄN NHÂN NGHĨA**, Thành viên Ban Kiểm soát

- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1969
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hà Nội
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế
- Chức vụ công tác hiện nay:

+ Thành viên Ban Kiểm soát Công ty SPT

+ Phó Tổng Giám đốc Công ty LD Quản lý đầu tư BIDV – Vietnam Partners

- Số cổ phần nắm giữ:

+ Đại diện Công ty LD Quản lý đầu tư BIDV – Vietnam Partners sở hữu: 1.438.461cổ phần, chiếm tỷ lệ 3.08% Vốn điều lệ.

+ Cổ phần cá nhân: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ % Vốn điều lệ.

- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không
- Các khoản nợ đối với Công ty: không

II. Thống kê về cổ đông

2.1. Cổ đông góp vốn trong nước

- Cơ cấu cổ đông góp vốn trong nước đến ngày 31/12/2009:

CỔ ĐÔNG	Tổng số vốn cổ phần (Mệnh giá 10.000đ/cp)		
	Tổng số tiền	SL cổ phần	Tỉ lệ %
Cổ đông Doanh Nghiệp, Tổ chức CT - XH	415.103.060.000	41.510.306	88,79%
Cổ đông là cá nhân ngoài công ty	43.314.490.000	4.331.449	9.27%
Cổ đông là cán bộ viên chức Công ty	5.284.790.000	528.479	1.13%
Cổ phiếu ưu đãi	3.797.570.000	379.757	0.81%
TỔNG CỘNG	467.499.910.000	46.749.991	100%

2.2. Các cổ đông lớn của Cty SPT (có tỷ lệ vốn góp từ 3% trở lên/Tổng vốn điều lệ):

TÊN CỔ ĐÔNG	ĐỊA CHỈ	NGÀNH NGHỀ KD	SL CỔ PHẦN (Mệnh giá 10.000đ/1cp)	TỶ LỆ VỐN GÓP
TỔNG CÔNG TY BẾN THÀNH (SUNIMEX)	71-79 Đồng Khởi, P.Bến Nghé, Q.1, TP.HCM	Dịch vụ thương mại, sản xuất và đầu tư	1.948.985	4.17%
CTY TNHH 1 TV DU LỊCH - THƯƠNG MẠI KỲ HÒA	12 Đường 3/2, P.12, Q.10, TP.HCM	Nhà hàng - khách sạn	3.834.119	8.20%
BAN TÀI CHÍNH QUẢN TRỊ THÀNH UỶ	135 Trương Định, P.7, Q.3, TP.HCM	Đa ngành nghề	1.901.229	4.07%
CÔNG TY TNHH 1 TV DẦU KHÍ TP.HCM (SAIGONPETRO)	27 Nguyễn Thông, P.7, Q.3, TP.HCM	Sản xuất, kinh doanh xăng dầu khí đốt và liên doanh sản xuất KD nhớt	1.902.336	4.07%
CÔNG TY TNHH T.N.T (T&T CO. LTD)	258 Bis Trần Hưng Đạo, P.Ng Cư Trinh, Q1, TP.HCM	Kinh doanh dịch vụ du lịch, nhà hàng	1.885.809	4.03%
CÔNG TY CP DV TỔNG HỢP SÀI GÒN (SAVICO)	68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.Ng Thái Bình, Q.1, TP.HCM	Dvụ sinh hoạt và sửa chữa, bảo hành các tư liệu SX và tiêu dùng, DV du lịch và thương nghiệp, SX và XNK.	1.834.038	3.92%
CTY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KD NHÀ BẾN THÀNH	104 Cống Quỳnh, P.Phạm Ngũ Lão, Q.1, TP.HCM	KD nhà, xây nhà ctrình, nhà ở và XD khác.	1.841.950	3.94%
CÔNG TY QUẢN LÝ NHÀ QUẬN 1	28-30 Nguyễn Thái Bình, P.Ng Thái Bình, Q.1, TP.HCM	Quản lý bảo dưỡng nâng cấp nhà, phát triển nhà ở thuộc sở hữu nhà nước.	7.369.109	15.76%

TỔNG CÔNG TY BC VIỄN THÔNG (VNPT)	01 Đào Duy Anh (Toà nhà Hàng Hải), Hà Nội	KD các dvụ BCVT, khảo sát thiết kế XD các ctrình BCVT, XNK cung ứng vtư thiết bị BCVT	6.842.962	14.64%
NGÂN HÀNG NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM	198 Trần Quang Khải, Q Hoàn Kiếm Hà Nội	Ngành Tín dụng	1.798.076	3.85%
CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB	09 Lê Ngô Cát, P.7, Q.3, TP.HCM	Chứng khoán	2.157.691	4.62%
QUỸ ĐẦU TƯ VIỆT NAM	Tầng 12 tháp A, Vincom City, 191 Bà Triệu, Hà Nội	Đầu tư	1.438.461	3.08%

2.3. Cổ đông nước ngoài :

TÊN CỔ ĐÔNG	ĐỊA CHỈ	NGÀNH NGHỀ KD	SL CỔ PHẦN (Mệnh giá 10.000đ/1cp)	TỶ LỆ VỐN GÓP
Việt nam Lotus Fund Limited	Lầu 6, 161 Đồng Khởi, Quận I – TP.HCM	Đầu tư	1.006.923	2.15%

Ngày 06 tháng 7 năm 2010

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG SÀI GÒN

HỒ HỒNG SƠN